

Bản án số: 75/2021/HSST

Ngày: 22 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Bá Thành

Bà Lò Thị Dĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Phương D**

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 04/12/1992 tại H

Nơi cư trú: Thôn X, N, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12 PT; Con ông: Trần Văn Đ - sinh năm 1964 và bà: Trần Thị A - sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Lê Thị Y - sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2014; Tiền án: không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản tại Bản án số 111/2007/HSST (bị cáo đã chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích); Bị tạm giữ từ ngày 03/01/2021 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 45 phút ngày 03/01/2021, tổ công tác Công an phường T, thành phố Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực Tổ dân phố 2, phường T, phát hiện Trần Phương D đang đi bộ đến trước cửa khách sạn P có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ

công tác yêu cầu dừng lại kiểm tra, D tự nguyện giao nộp cho tổ công tác 01 gói nilon màu trắng, bên trong có 04 viên nén màu hồng. Trần Phương D khai nhận đó là Methamphetamine, D mua về để sử dụng cho bản thân.

Quá trình điều tra Trần Phương D khai nhận: Tối ngày 31/12/2020 D đi xe khách từ Hà Nam lên thành phố Đ để thăm nhà bác họ. Sáng ngày 01/01/2021 khi lên đến thành phố Đ, D thuê phòng tại khách sạn P thuộc tổ dân phố 2, phường T để nghỉ. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/01/2021 D đi bộ từ khách sạn ra khu vực tượng đài Chiến thắng để chơi thì gặp một người xe ôm (không quen biết). Trên đường đi hai người nói chuyện qua lại, bị cáo bảo người này chở mình đi mua ma túy về sử dụng. Người lái xe ôm đi theo đường quốc lộ chở D đến 1 bản (không biết tên bản, địa chỉ). D vào bản mua được của một người đàn ông (không quen biết) 4 viên hồng phiến với giá 240.000 đồng, ngoài ra người này còn đưa cho D 1 viên hồng phiến, bật lửa và ống điếu để D sử dụng trước trong lúc chờ người này đi mua ma túy. Sau khi mua được ma túy D để tiền và gói ma túy vào trong túi áo khoác bên phải đang mặc rồi ra chỗ người xe ôm đang đợi ở ngoài. D bảo người này chở D về khách sạn P, bị cáo trả xe ôm, đi bộ về khách sạn thì bị hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói bên trong có chứa 04 viên nén màu hồng, khối lượng 0,4 gam. Ngoài ra còn tạm giữ của bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân.

Tại bản kết luận giám định số 109/GĐ-PC09 ngày 09/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng ký hiệu M là 0,4 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSTPĐBP ngày 08/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam Methamphetamine và 01 mảnh nilon màu trắng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 09 giờ 45 phút ngày 03/01/2021 tại khu vực Tổ dân phố 2, phường T, thành phố Đ, Trần Phương D đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,4 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Ngày 15/10/2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản và phải chịu án phí HSST. Người đại diện hợp pháp của bị cáo (mẹ bị cáo) phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 2.461.000 đồng và chịu 123.000 đồng án phí dân sự. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nộp án phí, còn phần bồi thường dân sự đến nay người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên được coi là đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đương nhiên xóa án tích. Sau khi trở về địa phương sinh sống do thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện nên đã sử dụng ma túy, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội, đồng thời thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cho bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến

500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối với 0,4 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi giám định toàn bộ còn lại 0,37 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh nilon màu trắng là vỏ gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Phương D. Quá trình điều tra không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với đối tượng bị cáo khai đã bán ma túy và người đàn ông lái xe ôm chở bị cáo đi mua ma túy, quá trình điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Công an thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Phương D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Phương D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (03/01/2021).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh nilon màu trắng (đã niêm phong).

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Phương D số 168555567.

(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2021).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ